

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Ban hành Quy định về việc áp dụng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư
trên địa bàn thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12/11/1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000;

Căn cứ Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi); Nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29/3/2002 về việc sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004;

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc áp dụng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ (kèm theo phụ lục).

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/2001/QĐ-UB ngày 08/6/2001 của UBND tỉnh Cần Thơ về việc ban hành Quy định thực hiện một số chính sách Khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cần Thơ, Quyết định số 03/2002/QĐ-UB ngày 10/01/2002 V/v sửa đổi, bổ sung Quy định thực hiện một số chính sách Khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-UB ngày 08/6/2001 và Quyết định số 38/2003/QĐ-UB ngày 29/4/2003 của UBND tỉnh Cần Thơ V/v ban hành chính sách thu hút vốn đầu tư vào Khu công nghiệp tập trung và các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cần Thơ.

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND quận, huyện tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan Ban, ngành thành phố và Chủ tịch UBND quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. CẦN THƠ
CHỦ TỊCH

Võ Thanh Tòng

QUY ĐỊNH

VIỆC ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2005/QĐ.UBND ngày 04/05/2005

của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương có vai trò là trung tâm, động lực phát triển của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phát triển, giàu tiềm năng về nông ngư nghiệp, lao động và các lợi thế khác. Để khai thác tiềm năng, lợi thế sẵn có, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng vai trò là thành phố động lực của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư có cơ hội tìm kiếm lợi nhuận thông qua đầu tư tại địa phương. UBND thành phố Cần Thơ ban hành quy định về việc áp dụng chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ và kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào thành phố Cần Thơ, trên cơ sở các bên cùng có lợi.

Điều 1. Nguyên tắc chung.

Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ cụ thể hóa và vận dụng chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các luật khác có liên quan đối với các dự án đầu tư trên địa bàn TP. Cần Thơ theo mức ưu đãi phù hợp với thực tế của địa phương.

Trong trường hợp Nhà nước ban hành các quy định mới ưu đãi hơn so với mức ưu đãi trong Quy định này, thì nhà đầu tư được áp dụng ưu đãi theo quy định mới.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong nước hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc doanh nghiệp đang hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

c. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (bao gồm cả người có quốc tịch Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài), người nước ngoài thường trú tại Việt Nam có hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

2. Phạm vi áp dụng bao gồm:

Các dự án đầu tư trên địa bàn TP. Cần Thơ có ngành nghề sản xuất, kinh doanh phù hợp với Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các luật khác có liên quan.

Chương II

GIÁ CHO THUÊ ĐẤT VÀ MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT

Điều 3. Giá cho thuê lại đất trong khu công nghiệp

1. Giá cho thuê lại đất công nghiệp trong khu công nghiệp Trà Nóc II:

a. Phí sử dụng hạ tầng : 0,2 USD/m²/năm, trả hàng năm.

b. Đơn giá cho thuê lại đất : 0,98 USD/m²/năm, trả hàng năm.

Nhà đầu tư có thể trả tiền cho thuê lại đất 1 lần cho nhiều năm theo đơn giá như sau:

- Trả 1 lần 5 năm: 0,90 USD/m².
- Trả 1 lần 10 năm: 0,78 USD/m².
- Trả 1 lần 15 năm: 0,68 USD/m².
- Trả 1 lần 20 năm: 0,59 USD/m².

2. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê trong khu công nghiệp cho nhà đầu tư:

Nhà đầu tư thuê lại đất trong khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu nhà đầu tư thuê lại đất đã trả tiền cho cả thời gian thuê lại đất thì nhà đầu tư được thế chấp hoặc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất thuê lại phù hợp với giá trị ghi trong hợp đồng thuê lại đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất đó tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 4. Giá cho thuê lại đất trong các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện.

1. Giá cho thuê lại đất công nghiệp trong Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Thốt Nốt là:

a. Phí sử dụng hạ tầng : 0,1 USD/m²/năm, trả hàng năm.

b. Đơn giá cho thuê lại đất :

- Trả hàng năm: 0,70 USD/m²/năm.
- Trả 1 lần 5 năm: 0,60 USD/m².
- Trả 1 lần 10 năm: 0,55 USD/m².
- Trả 1 lần 15 năm: 0,50 USD/m².
- Trả 1 lần 20 năm: 0,40 USD/m².

2. Đối với các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các quận, huyện khác thì tùy theo vị trí của từng Trung tâm, UBND thành phố sẽ ban hành giá cho thuê lại đất phù hợp cho từng Trung tâm.

3. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quận, huyện cho nhà đầu tư:

Nhà đầu tư thuê lại đất trong các Trung tâm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp quận huyện, được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu nhà đầu tư thuê lại đất đã trả tiền cho cả thời gian thuê lại đất thì nhà đầu tư được thế chấp hoặc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất thuê lại phù hợp với giá trị ghi trong hợp đồng thuê lại đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất đó tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 5. Giá cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp và các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện do đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng không trực thuộc BQL các khu công nghiệp hoặc không trực thuộc các BQL dự án đầu tư xây dựng quận, huyện.

Các đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng tự đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp hoặc các trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện.

Đơn giá cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp hoặc các trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện do các đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng trực tiếp ban hành

Điều 6. Miễn, giảm giá cho thuê lại đất trong các Khu công nghiệp và các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

1. Miễn tiền cho thuê lại đất:

Đối với các dự án thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo quy định này, được miễn tiền cho thuê lại đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê

duyet, nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày quyết định cho thuê lại đất có hiệu lực và dự án được bàn giao đất.

2. Giảm tiền cho thuê lại đất

Đối với các dự án thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo quy định này, có qui mô lớn thu hút nhiều lao động và có đặc thù tác động mạnh đến phát triển kinh tế địa phương cần phải giảm giá để thu hút mạnh đầu tư. UBND TP. Cần Thơ xem xét các điều kiện cụ thể cho từng dự án về vốn đầu tư, số lao động, tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm và diện tích sử dụng đất để giảm giá cho thuê lại đất.

Điều 7. Giá cho thuê đất thô ngoài khu công nghiệp Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Tổ chức hoặc cá nhân được thành phố cho thuê đất, có trách nhiệm chi trả trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phần kinh phí này được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp.

1. Đơn giá cho thuê đất thô bằng 0,4% giá hiện hành của 1 m² đất do UBND TP Cần Thơ ban hành. Nếu đất cho thuê là đất công, thì giá hiện hành của một m² đất được tính theo giá đất chuyên dùng.

2. Trong trường hợp đặc biệt, đất cho thuê là đất công và có vị trí thuộc trung tâm đô thị, có lợi thế thương mại hoặc có khả năng sinh lời đặc biệt, thì giá cho thuê đất được UBND thành phố quyết định riêng cho từng dự án, phù hợp với giá thị trường. Nếu có hai nhà đầu tư xin thuê đất trở lên thì tổ chức đấu giá thuê đất, đơn giá cho thuê đất là giá trúng thầu.

Điều 8: Miễn tiền thuê đất thô ngoài Khu công nghiệp.

Đối với các dự án có vị trí phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố Cần Thơ, được miễn tiền thuê đất thô trong các trường hợp sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), dự án xây dựng - chuyển giao (BT).

2. Dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao.

3. Trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 24 tháng (02 năm) kể từ ngày có quyết định cho thuê đất có hiệu lực và dự án được bàn giao đất.

4. Ba (03) năm kể từ ngày xây dựng cơ bản hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, đối với các dự án thuộc danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo quy định này.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng

1. Đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp và các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện, thì các đơn vị chuyên ngành tại thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình về cấp điện, cấp nước, bưu chính viễn thông đến chân hàng rào của doanh nghiệp.

2. Đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp và ngoài các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện, có địa điểm phù hợp với quy hoạch của thành phố, các đơn vị chuyên ngành tại thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình về cấp điện, cấp nước, giao thông, bưu chính viễn thông đến chân hàng rào của doanh nghiệp. Riêng đối với các dự án đầu tư tại các cồn trên sông Hậu, tùy theo vị trí của từng cồn, các đơn vị chuyên ngành sẽ triển khai thực hiện phù hợp với thực tế.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch, tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, UBND TP. Cần Thơ sẽ xem xét để quyết định tỷ lệ hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thành phố cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án.

Điều 10. Hỗ trợ đào tạo nghề

Đối với dự án mới được thành lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, thu hút nhiều lao động cần có tay nghề kỹ thuật qua đào tạo nghề. Chủ đầu tư có phương án tuyển dụng và đào tạo nghề cho lao động có hộ khẩu thường trú tại TP. Cần Thơ. Chủ đầu tư đăng ký phương án tuyển dụng và đào tạo nghề tại Sở Lao động và Thương binh Xã hội TP. Cần Thơ. Sở Lao động và Thương binh Xã hội TP. Cần Thơ có trách nhiệm phối hợp với các trường hoặc cơ sở đào tạo nghề của TP. Cần Thơ để đề xuất ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các trường hoặc cơ sở đào tạo nghề nhằm giảm học phí cho từng dự án và trình UBND thành phố xem xét quyết định. Các mức được xem xét giảm học phí đào tạo nghề như sau:

1. Dự án có số lao động được đào tạo từ 200 người đến 300 người thì được giảm 30% học phí;
2. Dự án có số lao động được đào tạo từ 301 người đến 500 người thì được giảm 40% học phí;
3. Dự án có số lao động được đào tạo trên 500 người thì được giảm 50% học phí.

Điều 11. Hỗ trợ giảm chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo trên báo Cần Thơ và đài phát thanh truyền hình TP. Cần Thơ để tiếp thị sản phẩm mới của các dự án được đầu tư trên địa bàn TP. Cần Thơ, như sau:

- Kể từ khi dự án chính thức đi vào hoạt động, năm đầu tiên quảng cáo được giảm 30% chi phí quảng cáo.
- Trong 3 năm tiếp theo, được giảm 20% chi phí quảng cáo.
- Số lần quảng cáo không quá 3 lần trong tuần.
- Thời lượng quảng cáo không quá 30 giây cho một lần trên đài phát thanh - truyền hình thành phố Cần Thơ.
- Không quá 1/2 trang báo cho một lần đăng báo Cần Thơ.

Điều 12. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tạo điều kiện cho các dự án ưu đãi đầu tư được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển, theo Nghị định số 106/2004/NĐ - CP ngày 01/04/2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 13. Thường vận động thu hút đầu tư

Tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước vận động thu hút được dự án đầu tư vào TP. Cần Thơ. Khi chủ đầu tư bắt đầu triển khai dự án thì tổ chức hoặc cá nhân được ngân sách thành phố trích trong Quỹ xúc tiến đầu tư từ ngân sách để thưởng, như sau :

- Mức thưởng: hai triệu đồng/một triệu USD vốn đầu tư thu hút được.
- Số tiền thưởng cho mỗi dự án bằng hai triệu đồng nhân với số triệu USD của tổng vốn đầu tư cho dự án, nhưng mức thưởng tối đa không quá một trăm triệu đồng cho mỗi dự án.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Điều 14. Trách nhiệm của các ngành chức năng.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác đầu tư trên địa bàn thành phố. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện để thực hiện chức năng hỗ trợ đầu tư và quản lý nhà nước về đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn TP. Cần Thơ theo cơ chế một cửa một đầu mối.

2. Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp có trách nhiệm chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành của thành phố để thực hiện chức năng hỗ trợ đầu tư và quản lý nhà nước về đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp theo cơ chế một cửa tại chỗ.

3. Ban quản lý đầu tư xây dựng các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận, huyện là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý công tác đầu tư trong các Trung tâm

công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp . Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tại quận, huyện và các Sở, Ban, Ngành của thành phố Cần Thơ để thực hiện chức năng hỗ trợ đầu tư và quản lý nhà nước về đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo cơ chế một cửa một đầu mối.

4. Trong quá trình các dự án đầu tư lập thủ tục đăng ký kinh doanh hoặc xin cấp giấy phép đầu tư, các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan thuộc quận, huyện hoặc TP. Cần Thơ có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan đầu mối để hỗ trợ cho các chủ đầu tư của dự án.

Điều 15. Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các loại hình doanh nghiệp trong thời gian như sau:

1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với:

- Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã thành lập mới; Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã chuyển đổi không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, hoạt động theo Luật doanh nghiệp không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện .

- Doanh nghiệp Nhà nước, Chi nhánh và các đơn vị kinh tế phụ thuộc Doanh nghiệp Nhà nước.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

Điều 16. Thời hạn cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Doanh nghiệp, UBND TP. Cần Thơ sẽ cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Điều 17. Thời hạn cấp giấy phép đầu tư mới

1. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy trình “Đăng ký cấp giấy phép đầu tư”:

a. Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp thì trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp giấy phép đầu tư ;

b. Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thì trong thời hạn 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND. TP.Cần Thơ cấp giấy phép đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy trình “thẩm định cấp giấy phép đầu tư” :

a. Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp thì trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp giấy phép đầu tư ;

b. Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND. TP.Cần Thơ cấp giấy phép đầu tư .

Điều 18. Thời hạn cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh

1. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài đặt trong khu công nghiệp thì Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh trong thời hạn từ 3 ngày đến 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ban quản lý; đối với các dự án phải xin ý kiến của các bộ ngành Trung ương và các sở, ban, ngành của địa phương thì thời gian cấp giấy phép điều chỉnh là 15 ngày.

2. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài đặt ngoài khu công nghiệp thì UBND TP.Cần Thơ cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh trong thời hạn 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ .

Điều 19. Thời hạn ra văn bản chấp thuận

Trường hợp các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xin mở chi nhánh tiêu thụ sản phẩm, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, văn phòng giao dịch, kho hàng, đại lý tiêu thụ sản phẩm, thay đổi địa điểm trụ sở trong phạm vi thành phố Cần Thơ:

- Doanh nghiệp chọn địa điểm trong khu công nghiệp thì Ban quản lý khu công nghiệp ra văn bản chấp thuận trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Doanh nghiệp chọn địa điểm ngoài khu công nghiệp thì UBND TP.Cần Thơ ra văn bản chấp thuận trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 20. Thời hạn cấp giấy phép đầu tư do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức đầu tư.

Trong quá trình triển khai hoạt động các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức đầu tư theo Quy định của pháp luật. UBND TP.Cần Thơ hoặc Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp giấy phép điều chỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

Điều 21. Thời hạn giao đất cho chủ đầu tư

1. Sở Xây Dựng thẩm định và trình UBND TP. Cần Thơ xem xét, phê duyệt quy hoạch các dự án đầu tư. Thời hạn hoàn thành không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy hoạch của chủ đầu tư.

2. Sở Xây Dựng chỉ đạo đơn vị quy hoạch tổ chức cắm mốc, giao mốc quy hoạch cho Sở Tài nguyên - Môi trường và chủ đầu tư. Thời hạn hoàn thành không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi UBND TP. Cần Thơ ký quyết định phê duyệt quy hoạch cho dự án.

3. Sở Tài nguyên - Môi trường tiến hành các thủ tục giao đất và ký hợp đồng cho thuê đất với các chủ dự án được phê duyệt thuê đất sau khi được các cơ quan chức năng xác định giao cho thuê đất. Thời hạn hoàn thành không quá 7 ngày làm việc.

4. Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày bàn giao đất, chủ đầu tư chưa triển khai dự án mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì UBND TP. Cần Thơ sẽ thu hồi lại đất đã giao hoặc cho thuê.

Điều 22. Hướng dẫn thủ tục về thuế và thời hạn đăng ký mã số thuế.

1. Các Doanh nghiệp sau khi hoàn chỉnh các thủ tục đăng ký kinh doanh, trực tiếp đến Văn phòng Cục thuế để được tư vấn về thủ tục và quy trình kê khai nộp thuế, đăng ký mã số thuế.

2. Thời hạn cấp giấy chứng nhận mã số thuế quy định chung cho các loại hình Doanh nghiệp như sau:

a. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký mã số thuế, nếu phát hiện hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì cơ quan thuế thông báo cho đối tượng nộp thuế chậm nhất không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong đó nêu rõ các nội dung còn thiếu, sai và yêu cầu bổ sung.

b. Thời hạn đăng ký mới để cấp mã số thuế không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở kinh doanh hoàn thiện các điều kiện để bắt đầu kinh doanh như : có đăng ký kinh doanh, có con dấu, có tài khoản tại ngân hàng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Thực hiện giá cho thuê lại đất và việc miễn giảm tiền thuê lại đất.

Không áp dụng giá cho thuê lại đất và việc miễn giảm tiền thuê lại đất trong quy định này đối với các dự án đã thực hiện trước ngày có hiệu lực của quy định này.

Điều 24. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm triển khai, theo dõi thực hiện Quy định này, định kỳ 6 tháng một lần có sơ kết và báo cáo UBND TP. Cần Thơ tình hình thực hiện và những vấn đề mới nảy sinh cần xử lý.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2005/QĐ.UBND ngày 04/05/2005

của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Thành phố Cần Thơ thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư theo nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29/3/2002 về việc sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 và nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

.....

A. DANH MỤC CHUNG:

I. Trồng cây lâu năm trên đất hoang hóa; nuôi trồng thủy sản ở vùng nước chưa được khai thác:

1. Trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả trên đất hoang hóa.
2. Khai hoang phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
3. Nuôi, trồng các loại thủy sản ở vùng nước chưa được khai thác.

II. Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển vận tải công cộng; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa dân tộc:

1. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện, xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật.
2. Đầu tư xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp; đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.
3. Đầu tư xây dựng mới, hiện đại hóa: cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, bến xe, nơi đỗ xe.
4. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn.
5. Phát triển vận tải công cộng: vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên, vận tải hành khách đường thủy bằng phương tiện cơ giới.
6. Đầu tư cung cấp dịch vụ kết nối Internet, cung cấp dịch vụ truy cập Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet tại địa bàn thuộc kinh tế xã hội khó khăn; dịch vụ bưu phẩm, dịch vụ bưu điện.
7. Mở trường học bán công, dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ đại học.
8. Thành lập cơ sở dạy nghề, nâng cao tay nghề cho công nhân.
9. Thành lập nhà văn hóa dân tộc, đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu bảo tồn, bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc.
10. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân khám, chữa bệnh, thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh; thành lập trung tâm hoạt động cứu trợ tập trung chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi, trung tâm lão khoa.

III. Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu:

Dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 30% tổng giá trị hàng hóa sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

IV. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp:

1. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
2. Chế biến nông sản từ nguồn nguyên liệu trong nước: chế biến gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, tinh dầu, chất béo từ thực vật; sản xuất sữa lỏng và các sản phẩm chế xuất từ sữa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản xuất nước uống đóng chai, đóng hộp từ hoa quả.
3. Sản xuất bột giấy, giấy bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước.

4. Dịch vụ hỗ trợ trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp; hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; hoạt động hỗ trợ lâm nghiệp; dịch vụ thủy sản; dịch vụ bảo vệ vật nuôi; nhân và lai tạo giống; dịch vụ bảo quản nông sản, lâm sản, thủy sản; xây dựng kho bảo quản nông, lâm, thủy sản.

V. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, dịch vụ khoa học, công nghệ; tư vấn pháp lý, đầu tư, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ:

1. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm.

2. Đầu tư sản xuất máy tính, sản phẩm phần mềm.

3. Cung cấp các dịch vụ: nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

4. Đầu tư sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử; sản xuất thiết bị viễn thông, Internet; ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông.

5. Ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao; ứng dụng công nghệ mới về sinh học để phục vụ : y tế, sản xuất cây giống, con giống, phân bón sinh học, thuốc trừ sâu sinh học, vắc xin thú y; xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường, tái chế phế liệu, phế thải.

6. Ứng dụng công nghệ sử dụng hoặc sản xuất ra máy móc, thiết bị sử dụng nguồn năng lượng sinh học, năng lượng từ gió, mặt trời, địa nhiệt, thủy triều.

7. Tư vấn pháp luật, tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh, dịch vụ tư vấn về khoa học kỹ thuật; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

VI. Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ; cải thiện sinh thái và môi trường, vệ sinh đô thị; di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị; đa dạng hóa ngành, nghề, sản phẩm:

1. Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất mới, đầu tư mở rộng quy mô, đầu tư đổi mới công nghệ vào ngành, nghề thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

2. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị hoặc vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Trung tâm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp.

VII. Những ngành, nghề khác:

1. Trồng mía, trồng bông, phục vụ công nghiệp chế biến; trồng cây dược liệu; sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

2. Sản xuất đồ chơi cho trẻ em; dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có quy mô trang trại trở lên.

4. Sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tinh khiết, hóa chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

5. Đầu tư sản xuất: thuốc tân dược chữa bệnh cho người; thiết bị y tế, dụng cụ chỉnh hình; xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật; xây dựng kho bảo quản dược phẩm; dự trữ thuốc chữa bệnh cho người để phòng chống lụt bão, thảm họa thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật và cho thủy sản.

6. Đầu tư sản xuất: khí cụ điện trung, cao thế; động cơ diezen; thiết bị, phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; máy cho ngành dệt, may; máy cho ngành da; máy khai thác mỏ; máy xây dựng; rô bốt công nghiệp; xe ô tô các loại, phụ tùng xe ô tô; máy phát điện; thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại; đóng, sửa chữa tàu, thuyền; sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

7. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại màu, kim loại quý hiếm, sắt xộp dùng trong công nghiệp; sản xuất xi măng đặc chủng, vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao, vật liệu tổng hợp

thay gỗ, chất dẻo xây dựng, sợi thủy tinh, vật liệu chịu lửa; than cốc, than hoạt tính; sản xuất phân bón.

8. Các ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống: chạm trổ; khảm trai; sơn mài; làm hàng mây, tre, trúc; dệt thảm, dệt lụa tơ tằm, dệt thổ cẩm, thêu ren; sản xuất hàng gốm, sứ; sản xuất đồ đồng mỹ nghệ.

9. Đầu tư xây dựng chợ, khu triển lãm; xúc tiến thương mại, hoạt động huy động vốn và cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

10. Dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển.

11. Đầu tư xây dựng khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; vườn quốc gia; đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa, bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

12. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Đầu tư sản xuất, chế biến trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

B. DANH MỤC DỰ ÁN CỤ THỂ:

1. Dự án trồng lúa cao sản, cây ăn quả, cây dược liệu.

2. Dự án chăn nuôi công nghiệp gia súc, gia cầm; nuôi trồng thủy sản.

3. Dự án chế biến dầu thực vật, trái cây, nông thủy sản.

4. Dự án sản xuất các loại giống mới có chất lượng và có hiệu quả cao.

5. Dự án ứng dụng công nghệ cao; công nghệ mới về sinh học.

6. Dự án xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường.

7. Dự án đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT.

8. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao, các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề và các Khu du lịch sinh thái.

9. Dự án sản xuất lắp ráp động cơ máy công cụ, phụ tùng cơ khí; sản xuất lắp ráp xe tải nhẹ phục vụ nông nghiệp, lắp ráp ô tô, đóng tàu thủy.

10. Dự án sản xuất thiết bị phục vụ ngành dệt; dệt may xuất khẩu.

11. Dự án chế tạo, lắp ráp điện tử; ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông.

12. Dự án đầu tư xây dựng các chợ đầu mối về gạo, trái cây, siêu thị.

13. Các dự án xây dựng nhà ở cao tầng (từ 03 tầng trở lên), có cấu trúc kiểu căn hộ khép kín, có cầu thang và lối đi chung. Dự án nhà ở có cơ cấu sử dụng đất từ 60% tổng diện tích xây dựng nhà trở lên là chung cư cao tầng.

14. Các dự án xây dựng bệnh viện, trường học các cấp, trường dạy nghề.

15. Các dự án thuộc ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công theo nghị định 134/NĐ-CP ngày 09/6/2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

16. Sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhẹ.

17. Sản xuất nguyên liệu, phụ liệu cao cấp để sản xuất giày, dép, quần áo xuất khẩu.

18. Sản xuất bao bì cao cấp phục vụ hàng xuất khẩu.

19. Dự án thường xuyên sử dụng từ 500 lao động trở lên.